

VN-Index giảm 0,3%

Ngày báo cáo

28/9/2026

Phòng Nghiên cứu & Phân tích

research@vietcap.com.vn

+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index giảm 0,3%

VN-Index giảm 0,3% (-4,4 điểm) trong phiên thứ Hai, đóng cửa tại 1.780,7 điểm. Dầu khí và Tiện ích là hai ngành duy nhất tăng điểm. Toàn sàn ghi nhận 108 mã tăng, 235 mã giảm và 38 mã đi ngang. Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước, đạt 15,2 nghìn tỷ đồng.

- Các công ty dịch vụ tài chính diễn biến tiêu cực, trong đó TCX (-2,7%), SSI (-2,7%), VPX (-2,0%), HCM (-4,0%) và LPS (-4,0%) giảm sâu, cùng nhiều mã khác.
- Trong nhóm các công ty dầu khí, BSR (+6,6%) tăng mạnh, trong khi PLX (+1,7%) và PVD (+3,6%) cũng ghi nhận mức tăng tích cực.
- Nhóm vật liệu phân hóa, với HPG (-2,2%), GVR (-2,1%) và NKG (-2,5%) giảm, trong khi DCM (+2,6%), DPM (+1,3%) và DGC (+1,7%) tích cực.
- Các mã tăng/giảm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm các cổ phiếu Bất động sản NVL (-6,8%) và BCM (-2,9%), các cổ phiếu ngân hàng LPB (-2,0%) và ACB (-1,4%), các công ty tiện ích GAS (+3,7%) và POW (+1,6%), công ty công nghệ FPT (-1,5%), cùng nhóm Hàng tiêu dùng PNJ (-7,0%), MCH (-2,1%), MSN (-1,6%) và MWG (-1,9%).

Điểm tin

- Ngành Dầu khí: Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Luật Dầu khí sửa đổi
- Ngành Dầu khí/PVS: Liên danh Doosan-PVS trúng thầu EPC dự án Ô Môn III, tích cực cho backlog của PVS và dự án Lô B-Ô Môn
- MSR: Công ty mẹ dự kiến bán 10% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược và tổ chức
- PVS: Hợp đồng Maydan Mahzam vượt 3,0 tỷ USD, tiến độ sớm hơn dự kiến

Báo cáo trong ngày

- BSR: Thị trường sản phẩm lọc dầu tiếp tục thắt chặt giúp cải thiện triển vọng lợi nhuận - Cập nhật

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1.780,7	271,3	125,0
% Δ	-0,3%	-0,3%	-0,2%
- % Δ 1 tuần	-1,1%	-1,1%	-1,1%
- % YTD	-0,2%	8,3%	3,5%
- % YOY	7,2%	-1,7%	13,0%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	582,3	31,5	15,4
- TB 1 tháng (triệu)	645,0	27,3	19,9
- TB 1 năm (triệu)	942,2	58,0	24,3
- TB QTD	667,8	34,6	16,6
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-21,9%	-23,4%	-18,9%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	52,6	2,7	1,1
- Bán (triệu)	63,9	0,5	0,5
- GT ròng (triệu)	-11,3	2,2	0,5
Độ rộng TT			
Mã tăng	107	41	110
Mã giảm	243	96	151
Không đổi	81	164	591
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	332,2	17,8	49,7
P/E trượt 12T	12,1	10,1	13,7
LS cổ tức*	3,0%	5,2%	2,8%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.923,5	36.827	1.388,37
VN30F2M	1.919,0	634	2,49
VN30F1Q	1.919,5	731	0,41
VN30F2Q	1.919,5	312	0,30
VN100F1M	1.822,1	132	0,95
VN100F2M	1.824,0	4	0,64
VN100F1Q	1.824,1	30	1,45
VN100F2Q	1.824,8	21	0,03
USD/VND			25.974

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1.84%.

Quan điểm kỹ thuật

Về mặt kỹ thuật, VN-Index thu hẹp đà giảm từ vùng 1.760 điểm và đóng cửa trở lại trên ngưỡng 1.775 điểm, cho thấy quán tính giảm chưa hoàn toàn chi phối. Tín hiệu này tạo điều kiện để chỉ số hình thành nhịp hồi kỹ thuật về vùng 1.790–1.795 điểm trong phiên 29/09. Hỗ trợ quan trọng trong giai đoạn hiện tại nằm tại vùng 1.760–1.775 điểm.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin

Ngành Dầu khí: Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Luật Dầu khí sửa đổi

* Ngày 25/9/2026, Chính phủ đã ban hành Quyết định 1852/QĐ-TTg về kế hoạch triển khai thi hành Luật Dầu khí sửa đổi, trước thời điểm luật chính thức có hiệu lực vào ngày 1/3/2027. Quan trọng nhất, Bộ Công Thương được giao trình Chính phủ nghị định hướng dẫn thi hành Luật Dầu khí sửa đổi vào tháng 12/2026, thay thế Nghị định 45/2023/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi liên quan. Bên cạnh đó, một nghị định mới về an toàn đối với các công trình dầu khí trên đất liền dự kiến sẽ được soạn thảo và trình vào quý 1/2027. Điều này đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn xây dựng luật sang giai đoạn triển khai thi hành. Cột mốc quan trọng tiếp theo là nghị định hướng dẫn dự kiến ban hành vào tháng 12/2026. Chúng tôi kỳ vọng nghị định về cơ chế đặc thù cho PVN sẽ được phê duyệt trong quý 4 năm nay.

* Chúng tôi kỳ vọng kế hoạch triển khai này, cùng với nghị định hướng dẫn sắp ban hành, sẽ hỗ trợ việc thi hành hiệu quả Luật Dầu khí sửa đổi. Chúng tôi kỳ vọng luật sửa đổi sẽ mang lại lợi ích cho cả chuỗi giá trị dầu khí của Việt Nam và sự phát triển của năng lượng tái tạo ngoài khơi.

* Trong số các doanh nghiệp dầu khí niêm yết, chúng tôi kỳ vọng PVS (MUA, lựa chọn hàng đầu của chúng tôi) và PVD (KHẢ QUAN) sẽ là những đơn vị hưởng lợi trực tiếp nhất nhờ khối lượng công việc xây lắp, khoan và dịch vụ giếng khoan ngoài khơi lớn hơn và liên tục hơn. GAS (MUA) sẽ hưởng lợi gián tiếp khi tốc độ phát triển các mỏ khí nhanh hơn hỗ trợ phát triển thêm hệ thống đường ống và nguồn cung khí trong nước. Đối với năng lượng tái tạo, PVS cũng sẽ hưởng lợi với vai trò là nhà thầu EPC điện gió ngoài khơi hàng đầu, trong khi khung pháp lý năng lượng ngoài khơi mở rộng hơn có thể hỗ trợ phát triển các dự án điện gió ngoài khơi do các nhà đầu tư như REE (MUA), **VinEnergó và HPG (MUA)** đề xuất. *Vui lòng xem thêm [Nhận định nhanh](#) về Luật Dầu khí sửa đổi, phát hành ngày 24/8/2026, để biết thêm chi tiết.*

Ngành Dầu khí/PVS: Liên danh Doosan-PVS trúng thầu EPC dự án Ô Môn III, tích cực cho backlog của PVS và dự án Lô B-Ô Môn

* Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) công bố thông tin liên danh Doosan Enerbility-PVS đã trúng thầu gói EPC cho nhà máy nhiệt điện khí Ô Môn III. Theo các chuyên gia trong ngành, tổng giá trị hợp đồng khoảng 23,9 nghìn tỷ đồng (giá trị hợp đồng Ô Môn IV là 22,2 nghìn tỷ đồng), trong đó PVS chiếm khoảng 20–25% giá trị hợp đồng của liên danh, tương ứng doanh thu có thể ghi nhận khoảng 4,8–6,0 nghìn tỷ đồng. Chính phủ đặt mục tiêu Ô Môn III vận hành thương mại (COD) vào tháng 5/2030. Giá trị hợp đồng ước tính 200 triệu USD tương đương khoảng 2,8% dự báo tổng backlog giai đoạn 2026–30 của PVS, cho thấy dư địa tăng nhẹ đối với dự báo doanh thu mảng M&C hiện tại của chúng tôi.

*** Ba trong số bốn nhà máy điện Ô Môn hiện đang trong giai đoạn chuyển đổi nhiên liệu hoặc thi công xây dựng.** Việc trúng thầu này đánh dấu bước tiến quan trọng hướng tới đồng bộ hóa toàn bộ chuỗi khí-điện Lô B-Ô Môn.

1. Ô Môn I: Hiện đang vận hành bằng dầu nhiên liệu (FO), nhà máy đang thực hiện các hạng mục chuyển đổi kỹ thuật để tiếp nhận khí Lô B, với mục tiêu của Chính phủ là đón dòng khí đầu tiên vào quý 3/2027.

2. Ô Môn IV: Gói thầu EPC đã được trao cho liên danh Doosan Enerbility-PECC2 (TV2). Dự án đã khởi công xây dựng vào tháng 8/2025 và đang trên lộ trình đạt COD vào tháng 12/2028.

3. Ô Môn III: Với việc trao gói thầu EPC mới này cho liên danh Doosan Enerbility-PVS, việc xây dựng hệ tiêu thụ khí hạ nguồn quan trọng này của Lô B có thể được triển khai, với mục tiêu đạt COD vào tháng 5/2030.

*** Điều này củng cố niềm tin rằng tiến độ phát triển dòng khí đầu tiên ở thượng nguồn và năng lực tiêu thụ ở hạ nguồn đang ngày càng được triển khai đồng bộ.** Chúng tôi kỳ vọng Lô B sẽ có dòng khí đầu tiên vào giữa năm 2028. Tiến độ của Ô Môn III giúp tăng độ rõ ràng cho việc khai thác thương mại khí Lô B trong dài hạn. Ô Môn II vẫn là mảnh ghép còn thiếu quan trọng nhất trong tổ hợp bốn nhà máy. Theo ước tính sơ bộ mới nhất của Petrotimes (ngày 15/9/2026), dự án này hiện đang chậm tiến độ.

*** Mức độ đồng bộ hóa dự án tốt hơn sẽ hỗ trợ PVS, PVD và GAS.** Bên cạnh lợi ích trực tiếp của PVS từ gói thầu EPC Ô Môn III, sự đồng bộ tốt hơn trong toàn bộ chuỗi Lô B-Ô Môn giúp cải thiện độ rõ ràng về triển vọng lợi nhuận cho các doanh nghiệp hưởng lợi chính. Đối với PVS, diễn biến này tiếp tục hỗ trợ việc triển khai khối lượng công việc thượng nguồn Lô B hiện có với quy mô lớn. Đối với PVD, điều này giúp tăng độ rõ ràng cho chiến dịch khoan tại Lô B. Đối với GAS, tiến độ tại các nhà máy điện hạ nguồn hỗ trợ việc sử dụng đường ống Lô B-Ô Môn trong dài hạn, cũng như sản lượng vận chuyển khí trong tương lai.

* Hiện chúng tôi có khuyến nghị MUA đối với PVS (giá mục tiêu: 49.000 đồng/cổ phiếu), khuyến nghị MUA đối với GAS (giá mục tiêu: 90.000 đồng/cổ phiếu), và khuyến nghị KHẢ QUAN đối với PVD (giá mục tiêu: 22.000 đồng/cổ phiếu).

MSR: Công ty mẹ dự kiến bán 10% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược và tổ chức

* Công ty TNHH Tầm Nhìn Masan, công ty mẹ của CTCP Masan High-Tech Materials (MSR), đang ký bán 110,5 triệu cổ phiếu MSR, tương đương 10% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, thông qua giao dịch thỏa thuận từ ngày 1/10 đến ngày 30/10/2026.

* Giao dịch bao gồm chuyển nhượng 55,1 triệu cổ phiếu, tương đương 4,99% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, cho nhà đầu tư chiến lược Elmet và chuyển nhượng tối đa 55,4 triệu cổ phiếu, tương đương 5,01%, cho các nhà đầu tư tổ chức trong cùng đợt. Giá chuyển nhượng cho các nhà đầu tư tổ chức sẽ tương đương giá giao dịch với Elmet.

* Giao dịch nằm trong chương trình tái cấu trúc sở hữu tại MSR, được HĐQT CTCP Tập đoàn Masan phê duyệt ngày 24/9/2026. Chương trình nhằm đa dạng hóa cơ cấu cổ đông, tăng tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng và thanh khoản của cổ phiếu MSR, đồng thời hỗ trợ kế hoạch niêm yết trên HOSE.

* Công ty TNHH Tầm Nhìn Masan hiện sở hữu 1,02 tỷ cổ phiếu MSR, tương đương 92,45% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Nếu hoàn tất toàn bộ giao dịch, tỷ lệ sở hữu của công ty sẽ giảm xuống còn 911,1 triệu cổ phiếu, tương đương 82,45%.

PVS: Hợp đồng Maydan Mahzam vượt 3,0 tỷ USD, tiến độ sớm hơn dự kiến

Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) và PVS đã cung cấp thêm thông tin chi tiết về dự án Maydan Mahzam, sau khi nhận Thư trao thầu vào ngày 13/9/2026.

*** Giá trị hợp đồng dự kiến hơn 3 tỷ USD, khớp với ước tính của chúng tôi.** Dự án dự kiến được triển khai từ quý 4/2026 đến hết năm 2031. Giá trị hợp đồng 3,0 tỷ USD tương đương 43% giá định backlog mảng M&C giai đoạn 2026–2030 trị giá 7,0 tỷ USD hiện tại của chúng tôi và khoảng 143% backlog đã ký hiện tại của PVS cho giai đoạn 2026–2030, qua đó cung cấp nhiều thông tin chi tiết hơn về khối lượng công việc trong trung hạn. Tiến độ này sớm hơn so với kỳ vọng trước đây của chúng tôi là giữa năm 2027.

*** Dự địa tăng đối với dự báo lợi nhuận giai đoạn 2027-2030:** Giả định biên lợi nhuận ròng khoảng 1,5% (một giả định thận trọng so với mức 2-4% thường thấy ở các dự án EPC dầu khí ngoài khơi), chúng tôi ước tính hợp đồng trị giá 3 tỷ USD này có thể mang lại khoảng 38 triệu USD lợi nhuận ròng cho PVS trong giai đoạn 2027–2030. Con số này tương đương khoảng 10% tổng dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS của PVS cho giai đoạn 2027–2030, cho thấy dự địa tăng tiềm năng đối với dự báo lợi nhuận dài hạn của chúng tôi.

*** Thông báo chính thức nêu tên PTSC M&C là nhà thầu EPCIC và không đề cập đến liên danh,** tích cực hơn so với kỳ vọng trước đây của chúng tôi rằng hợp đồng có thể được thực hiện thông qua liên danh với Seatrium (Singapore). Việc trúng thầu hợp đồng quy mô lớn này đánh dấu kỷ lục lớn nhất từ trước đến nay trong lịch sử mảng kinh doanh EPC quốc tế của PVS, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh với các đối thủ nước ngoài bao gồm China Offshore Oil Engineering Company, Hyundai Heavy Industries, Saipem, v.v.

*** PTSC M&C sẽ đóng vai trò nhà thầu EPCIC cho dự án MM1,** chịu trách nhiệm toàn diện về thiết kế kỹ thuật, mua sắm, chế tạo, vận chuyển, lắp đặt, đấu nối và chạy thử. Phạm vi công việc bao gồm tám kết cấu mới với tổng trọng lượng hơn 100.000 tấn (cao hơn con số công bố trước đó là khoảng 78.000 tấn), cùng với các hạng mục cải tạo, đấu nối và tích hợp cho các công trình hiện hữu.

*** Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với PVS với giá mục tiêu 49.000 đồng/cổ phiếu.**

Tóm tắt báo cáo trong ngày

BSR: Thị trường sản phẩm lọc dầu tiếp tục thắt chặt giúp cải thiện triển vọng lợi nhuận - Cập nhật

Ngành	Hóa dầu		2025	2026F	2027F	2028F
Ngày báo cáo	28/09/2026	TT Doanh thu	15%	45%	-23%	-4%
Giá hiện tại	30.200 VND	TT EPS báo cáo	726%	363%	-31%	-46%
Giá mục tiêu	35.800 VND	LNST-CĐTTS, báo cáo	5.214	24.148	16.735	9.070
Giá mục tiêu gần nhất	29.250 VND	Biên LN ròng	3,7%	11,8%	10,6%	6,0%
TL tăng	+18,5%	P/E Báo cáo	29,0x	6,3x	9,0x	16,7x
Lợi suất cổ tức	2,3%	EV/EBITDA	17,5x	3,7x	4,5x	7,5x
Tổng mức sinh lời	+20,8%	P/B	2,5x	1,8x	1,5x	1,4x
GT vốn hóa	160,4 nghìn tỷ đồng			BSR	Peers*	VNI
Room KN	76,3 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		7,6x	5,4x	13,8x
GTGD/ngày (30n)	365,6 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		2,0x	1,1x	2,0x
Cổ phần Nhà nước	92%	Nợ ròng/VCSH		-55,2%	44,2%	N/A
SL cổ phiếu lưu hành	5.007 tr	ROE		26,7%	29,7%	16,0%
Pha loãng	5.007 tr	ROA		18,9%	10,1%	2,4%
		* Các CT cùng ngành trong khu vực				

* Chúng tôi điều chỉnh tăng 22% giá mục tiêu lên mức 35.800 đồng/cổ phiếu và duy trì khuyến nghị MUA đối với CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR). Giá mục tiêu cao hơn phản ánh (1) mức tăng 18% trong giá trị hợp lý theo phương pháp CKDT nhờ mức tăng 18% trong dự báo tổng LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo giai đoạn 2026-2030, và (2) mức tăng 27% trong giá trị hợp lý theo phương pháp P/E (được thúc đẩy bởi EPS trung bình dự phóng giai đoạn 2026-2027 cao hơn 27%).

* Mức điều chỉnh tăng đối với dự báo tổng LNST sau lợi ích CĐTS chủ yếu được thúc đẩy bởi việc chúng tôi nâng giả định crack spread giai đoạn 2026-2030 lên trung bình 10% (tương ứng lần lượt +15%/+19%/+6%/+6%/+6% cho các năm 2026/27/28/29/30), qua đó phản ánh tình trạng gián đoạn nguồn cung kéo dài tại eo biển Hormuz và việc nhiều nhà máy lọc dầu tại Nga ngừng hoạt động. Giả định về sản lượng thương phẩm của chúng tôi không thay đổi. Tham khảo thêm [Báo cáo Cập nhật Ngành Năng lượng](#) của chúng tôi.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2026 đạt 24,1 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 4,6 lần YoY), được thúc đẩy bởi mức tăng gấp 2,1 lần YoY của crack spread trung bình và sản lượng thương phẩm cao hơn 2%.

* Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS báo cáo năm 2027 đạt 16,7 nghìn tỷ đồng (-31% YoY) khi crack spread giảm 19% YoY và sản lượng thương phẩm giảm 11% do đợt bảo dưỡng tổng thể lần thứ 6 theo kế hoạch. Tuy nhiên, LNST sau lợi ích CĐTS vẫn cao hơn 14% so với năm 2022, nhờ sản lượng cao hơn 3% và cơ cấu sản phẩm mang lại tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Dầu Diesel/Xăng RON95 lần lượt chiếm 46%/31% sản lượng năm 2027 (so với 41%/27% năm 2022), qua đó bù đắp cho mức crack spread dự báo thấp hơn 7% so với năm 2022.

* Định giá của BSR hiện ở mức hấp dẫn, với EV/EBITDA dự phóng năm 2027 đạt 4,5 lần, thấp hơn khoảng 35% so với mức trung bình 10 năm của các doanh nghiệp cùng ngành trong khu vực (6,9 lần).

* **Yếu tố hỗ trợ:** Giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước (dự kiến trong nửa đầu năm 2027) nhằm đảm bảo tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng đạt mức 10%. **Rủi ro:** Biến động bất lợi của giá dầu gây áp lực lên crack spread và/hoặc dẫn đến việc phải trích lập dự phòng hàng tồn kho.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GT VH tr USD	GT GD/ 30N tr USD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2025	P/E 2026	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
STK	Dệt may	83%	46	0,0	7.700	16.000	108%	0,0%	108%	KQ	17/01/25	13,8	7,3	10,8	0,7
KDH	Bất động sản	27%	661	3,3	15.300	31.700	107%	0,0%	107%	MUA	28/08/26	17,3	11,9	17,1	0,9
HDC	Bất động sản	48%	94	0,5	10.600	21.400	102%	0,0%	102%	KQ	09/01/26	3,8	7,8	17,1	0,8
MWG	Bán lẻ	0%	4.091	10,1	72.000	140.000	94%	5,8%	100%	MUA	17/08/26	15,0	9,0	10,2	3,0
PTB	Công nghiệp	10%	112	0,2	28.900	52.000	80%	7,3%	87%	KQ	06/10/25	3,9	5,0	12,8	0,8
HDG	Điện & Nước	34%	241	0,7	15.350	28.700	87%	0,0%	87%	MUA	16/07/26	9,1	11,5	17,1	0,9
HVN	Hàng không	22%	2.456	0,6	20.500	37.100	81%	0,0%	81%	KQ	22/07/25	8,7	7,4	17,7	6,7
F88	Tài chính TT	42%	493	0,3	54.500	98.000	80%	0,0%	80%	MUA	25/06/26	16,7	10,3	15,7	4,3
DMX	Bán lẻ	40%	3.758	2,1	77.000	130.600	70%	9,4%	79%	MUA	21/09/26	14,6	9,1	10,2	5,5
DPG	Điện & Nước	31%	127	0,3	27.800	48.900	76%	2,2%	78%	MUA	11/06/26	8,6	9,0	13,1	1,1
PLC	Dầu khí	-0%	58	0,1	18.600	31.900	72%	5,4%	77%	MUA	12/09/25	110,7	6,0	10,8	1,1
NLG	Bất động sản	14%	404	2,7	21.650	36.800	70%	2,3%	72%	MUA	28/08/26	12,6	15,7	17,1	0,8
GEX	Điện & Nước	44%	1.204	12,0	23.900	40.500	69%	2,1%	72%	MUA	06/07/26	21,3	21,2	11,6	1,6
NVL	Bất động sản	45%	1.022	8,3	11.050	18.600	68%	0,0%	68%	MUA	18/06/26	13,7	17,9	17,1	0,6
BMI	Bảo hiểm	24%	82	0,0	14.150	23.100	63%	3,5%	67%	MUA	12/04/24	9,4	5,6	14,1	0,7
CTG	Ngân hàng	5%	8.926	9,3	29.850	48.800	63%	1,5%	65%	MUA	26/08/26	7,7	6,4	11,6	1,2
HPG	VLXD	27%	6.566	16,6	20.200	32.700	62%	3,0%	65%	MUA	18/08/26	11,3	6,9	12,8	1,2
IDC	KCN	34%	537	1,6	33.400	51.200	53%	9,0%	62%	MUA	13/08/26	7,3	7,1	17,1	2,1
VGC	KCN	48%	738	0,7	42.750	66.800	56%	5,1%	61%	MUA	11/05/26	14,4	12,0	13,1	2,3
MBB	Ngân hàng	1%	7.675	9,8	19.800	29.600	49%	2,5%	52%	MUA	21/05/26	6,8	5,7	11,6	1,3
ACG	Gỗ	12%	183	0,0	31.500	45.800	45%	5,4%	51%	MUA	15/07/25	9,9	7,9	12,8	1,1
NT2	Điện & Nước	40%	231	0,4	20.800	29.000	39%	9,6%	49%	MUA	10/08/26	5,6	5,9	11,3	1,2
SZC	KCN	19%	120	0,2	17.300	24.700	43%	5,8%	49%	KQ	01/07/26	9,8	23,8	17,1	1,0
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.141	1,0	43.350	59.000	36%	11,5%	48%	MUA	06/01/26	13,0	12,3	11,9	2,8
PVS	Dầu khí	33%	789	4,9	33.400	49.000	47%	0,0%	47%	MUA	10/08/26	14,0	11,6	13,0	1,3
MSN	Bán lẻ	76%	3.879	12,8	69.000	101.200	47%	0,0%	47%	MUA	21/05/25	24,3	23,5	11,6	2,5
PHR	Công nghiệp	-10%	300	0,9	31.900	45.900	44%	2,3%	46%	MUA	15/07/26	17,7	4,9	10,8	1,7

VRE	Bất động sản	38%	2.135	5,5	24.400	35.600	46%	0,0%	46%	MUA	04/09/26	8,6	9,9	17,1	1,1
FPT	CNTT	21%	4.625	23,0	63.700	90.300	42%	3,6%	45%	MUA	08/06/26	12,2	10,8	12,5	3,0
DGC	Công nghiệp	46%	534	1,5	36.550	52.100	43%	2,7%	45%	KQ	20/07/26	4,9	7,3	10,8	0,9
QTP	Điện & Nước	-1%	188	0,0	10.800	14.600	35%	9,3%	44%	MUA	10/12/25	4,8	7,4	11,3	0,8
DXG	Bất động sản	34%	498	4,6	10.200	14.600	43%	0,0%	43%	MUA	28/08/26	57,3	60,4	17,1	0,9
POW	Điện & Nước	46%	1.494	3,9	12.650	17.800	41%	0,0%	41%	MUA	17/08/26	16,2	8,1	11,3	0,9
PNJ	Bán lẻ	2%	605	8,5	30.700	42.900	40%	0,0%	40%	KQ	11/09/26	6,0	15,3	7,6	1,2
VTP	GTVT	45%	400	1,9	51.500	71.800	39%	0,0%	39%	PHTT	25/05/26	21,5	25,7	11,6	4,5
KBC	KCN	43%	935	2,0	25.800	34.600	34%	3,9%	38%	MUA	20/08/26	11,5	12,1	17,1	1,0
CTR	CNTT	43%	353	0,6	71.500	96.800	35%	2,1%	37%	KQ	14/04/26	13,6	11,7	13,1	4,1
ACB	Ngân hàng	6%	4.715	6,4	21.100	28.000	33%	3,3%	36%	MUA	28/08/26	7,9	6,9	11,6	1,2
REE	Điện & Nước	0%	1.094	0,6	45.600	60.800	33%	2,2%	36%	MUA	20/08/26	11,2	10,0	11,6	1,3
PPC	Điện & Nước	46%	106	0,0	8.580	11.000	28%	5,8%	34%	KQ	10/12/25	16,9	8,5	11,3	0,6
VPB	Ngân hàng	7%	8.836	29,1	22.950	30.200	32%	2,2%	34%	MUA	18/05/26	9,6	7,4	11,6	1,3
TV2	Điện & Nước	-6%	66	0,1	25.500	33.000	29%	3,9%	33%	KQ	13/07/26	29,0	19,8	11,6	1,4
AST	DV Hàng không	3%	131	2,1	63.100	80.600	28%	5,5%	33%	MUA	26/08/25	11,4	11,0	10,2	4,7
SSI	Chứng khoán	70%	2.328	17,5	20.150	25.800	28%	5,0%	33%	MUA	16/07/26	11,8	12,9	15,7	1,5
TCB	Ngân hàng	2%	8.962	25,8	32.850	42.600	30%	3,0%	33%	MUA	12/08/26	9,2	8,0	11,6	1,3
BID	Ngân hàng	12%	10.706	5,7	35.750	47.300	32%	0,0%	32%	MUA	21/05/26	10,0	9,3	11,6	1,4
VCB	Ngân hàng	10%	18.755	13,2	58.300	76.500	31%	0,8%	32%	MUA	11/09/26	15,0	11,4	11,6	2,0
FRT	Bán lẻ	16%	964	3,7	140.000	181.400	30%	0,0%	30%	MUA	22/09/26	31,6	18,2	10,2	5,2
GMD	GTVT	10%	1.288	3,2	77.300	95.800	24%	2,8%	27%	MUA	24/08/26	20,9	11,5	11,6	2,4
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	82%	392	0,6	48.650	58.600	20%	6,2%	27%	KQ	30/07/26	7,7	7,2	11,9	1,1
SIP	KCN	47%	458	0,1	49.150	58.900	20%	6,1%	26%	MUA	20/07/26	9,6	9,6	17,1	2,5
BWE	Điện & Nước	47%	391	0,2	40.450	49.600	23%	3,2%	26%	KQ	14/08/26	10,4	10,7	11,3	1,7
NKG	VLXD	46%	179	0,6	9.460	11.900	26%	0,0%	26%	PHTT	18/04/25	23,6	8,1	12,8	0,6
BMP	VLXD	18%	451	0,4	143.100	163.000	14%	10,8%	25%	MUA	17/06/26	9,6	9,1	13,1	4,1
DXS	Bất động sản	45%	118	0,4	5.300	6.600	25%	0,0%	25%	PHTT	28/08/26	9,0	13,2	17,1	0,5
DHC	Công nghiệp	15%	158	0,6	38.700	45.800	18%	5,2%	24%	MUA	16/09/26	10,5	7,3	12,8	1,6
TLG	Văn phòng phẩm	90%	197	0,4	53.000	61.900	17%	6,6%	23%	MUA	12/09/25	11,3	8,6	7,6	2,0

VNM	Đồ uống/Thực phẩm	50%	4.852	6,4	60.300	70.300	17%	6,6%	23%	MUA	24/04/25	13,4	14,4	11,9	4,0
TPB	Ngân hàng	8%	1.559	4,7	14.600	17.400	19%	3,4%	23%	MUA	15/09/26	5,5	5,1	11,6	0,9
PC1	Điện & Nước	42%	321	1,9	20.250	24.700	22%	0,0%	22%	KQ	21/07/26	9,0	13,7	13,1	1,3
MCH	Bán lẻ	84%	6.946	4,0	138.000	163.000	18%	3,7%	22%	PHTT	28/11/25	26,8	24,3	11,9	9,7
HDB	Ngân hàng	5%	5.299	19,9	27.500	33.000	20%	1,8%	22%	MUA	06/03/26	7,6	6,5	11,6	1,6
PLX	Xăng dầu	6%	1.773	7,7	35.600	41.100	15%	3,4%	19%	MUA	13/10/25	18,5	15,5	13,0	1,8
PVD	Dầu khí	42%	666	5,5	18.650	22.000	18%	0,0%	18%	KQ	21/08/26	19,2	18,9	13,0	1,0
VIB	Ngân hàng	2%	1.891	5,4	13.150	14.700	12%	3,8%	16%	KQ	18/08/26	6,7	5,4	11,6	1,0
BVH	Bảo hiểm	22%	2.103	1,8	73.600	83.600	14%	1,4%	15%	MUA	11/06/26	19,7	13,5	14,1	2,1
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	710	0,5	50.300	53.400	6%	8,0%	14%	KQ	30/08/24	9,6	7,2	11,9	1,7
SCS	DV Hàng không	22%	161	0,2	43.600	43.400	-0%	12,6%	12%	PHTT	22/09/26	5,5	5,5	17,7	2,7
PVT	Dầu khí	34%	467	5,6	23.450	25.200	7%	4,3%	12%	MUA	13/08/26	12,2	7,8	11,6	1,3
GAS	Dầu khí	47%	7.757	5,6	83.500	90.000	8%	3,6%	11%	MUA	29/07/26	18,6	15,8	11,3	2,9
DPM	Phân bón	47%	599	3,3	22.900	23.900	4%	6,6%	11%	KQ	04/09/26	17,5	10,9	10,8	1,4
ACV	Hàng không	47%	5.386	0,5	39.200	43.300	10%	0,0%	10%	PHTT	19/08/26	12,5	12,4	11,6	1,9
HSG	VLXD	46%	308	0,9	9.910	10.400	5%	5,0%	10%	PHTT	18/04/25	12,8	13,7	12,8	0,7
DCM	Phân bón	43%	717	4,4	35.200	35.800	2%	5,7%	7%	MUA	04/09/26	10,3	9,0	10,8	1,6
VHM	Bất động sản	44%	21.981	31,3	69.500	74.000	6%	0,0%	6%	PHTT	28/08/26	13,6	9,5	17,1	2,2
DGW	Bán lẻ	22%	392	3,5	45.550	45.400	-0%	2,2%	2%	KQ	18/06/26	18,4	15,7	10,2	2,7
GVR	Công nghiệp	-1%	4.959	2,9	32.200	32.100	-0%	1,2%	1%	PHTT	20/07/26	24,2	18,8	10,8	2,1
TDM	Điện & Nước	49%	287	0,0	61.000	57.700	-5%	2,1%	-3%	PHTT	14/08/26	35,1	35,0	11,3	2,9
VEA	Ô-tô	-1%	1.890	0,4	37.000	30.800	-17%	13,0%	-4%	PHTT	28/10/25	6,7	6,9	11,6	2,1
STB	Ngân hàng	19%	5.603	17,4	77.200	73.500	-5%	0,0%	-5%	PHTT	15/09/26	27,1	24,4	11,6	2,3
OIL	Dầu khí	6%	532	1,6	13.600	12.700	-7%	0,7%	-6%	KQ	17/10/25	33,2	30,0	13,0	1,3
BSR	Lọc hóa dầu	47%	6.246	14,4	32.400	29.250	-10%	2,2%	-8%	MUA	07/08/26	31,3	8,0	13,0	2,2
LPB	Ngân hàng	3%	5.233	6,0	45.500	39.300	-14%	2,2%	-11%	KKQ	18/11/25	12,0	12,6	11,6	3,2
VJC	Hàng không	24%	3.935	6,8	132.900	114.000	-14%	0,0%	-14%	KQ	15/03/24	37,0	14,9	17,7	3,9
VIC	Bất động sản	45%	69.302	51,9	231.900	117.000	-50%	0,0%	-50%	BÁN	14/09/26	152,6	67,9	17,1	10,5

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKQ: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	Lợi suất cổ tức trung bình
MUA	51	143.798	2.820	20	14,6	11,3	9,0	15,4	1,6	25,0	15,8	11,3	1,9	3,6%
KHẢ QUAN	20	14.321	716	2	10,7	11,1	9,5	13,4	1,8	21,0	14,0	12,4	1,8	2,9%
PHÙ HỢP TT	12	48.219	4.018	3	17,5	15,6	12,4	16,5	2,3	18,2	18,2	16,4	2,7	3,2%
KÉM KHẢ QUAN	1	5.233	5.233	0	14,7	12,0	12,6	10,4	3,2	14,7	12,0	12,6	3,2	2,2%
BÁN	1	69.302	69.302	1	144,9	152,6	67,9	77,0	10,5	144,9	152,6	67,9	10,5	0,0%
TỔNG CỘNG	85	280.874	3.304	26	19,0	15,6	12,3	16,9	2,2	24,4	17,3	13,0	2,1	3,3%

					Trung bình cộng					Trung bình				
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	Lợi suất cổ tức trung bình
Ngân hàng	12	88.161	7.347	11	11,3	9,8	8,3	12,7	1,5	11,0	10,4	9,1	1,6	2,0%
Bảo hiểm	2	2.185	1.093	1	24,8	18,9	12,8	21,8	2,0	18,1	14,6	9,6	1,4	2,4%
Chứng khoán	1	2.328	2.328	1	16,1	11,8	12,9	15,1	1,5	16,1	11,8	12,9	1,5	5,0%
Tài chính thay thế	1	493	493	0	34,2	16,7	10,3	30,0	4,3	34,2	16,7	10,3	4,3	0,0%
Tiêu dùng	14	31.170	2.226	4	17,9	15,0	12,8	20,6	3,5	22,2	15,1	13,1	3,4	5,4%
CNTT	1	4.625	4.625	1	14,9	12,2	10,8	17,4	3,0	14,9	12,2	10,8	3,0	3,6%
Bất động sản	9	96.215	10.691	2	60,3	38,4	25,9	26,5	4,3	34,2	32,1	23,8	2,0	0,3%
Vật liệu	4	7.504	1.876	1	14,3	11,4	7,2	17,7	1,2	12,6	14,3	9,4	1,7	4,7%
Điện & Nước	12	5.749	479	1	19,5	12,6	10,7	17,9	1,2	24,9	14,8	13,4	1,3	3,4%
Dầu khí	10	19.605	1.961	2	28,3	20,4	11,5	21,2	2,1	48,9	28,5	13,3	1,6	3,2%
Công nghiệp	5	1.033	207	0	6,7	5,9	7,0	8,6	1,0	22,4	8,6	6,9	1,0	4,1%
Khu công nghiệp	7	8.047	1.150	1	22,6	16,5	13,6	19,1	1,8	21,5	13,5	12,6	1,8	4,8%
GTVT & Logistics	7	13.758	1.965	1	13,1	14,7	11,5	17,3	2,8	16,8	16,8	12,6	3,8	3,0%
TỔNG CỘNG	85	280.874	3.304	26	19,0	15,6	12,3	16,9	2,2	24,4	17,3	13,0	2,1	3,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

*FPT được phân loại lại từ nhóm Tiêu dùng sang CNTT

Cập nhật KQKD Q2 2026 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 6T 2026 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2026F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	1%	14%	MUA		KQKD 6T 2026 khả quan, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi; mảng cho vay khách hàng cá nhân & SME và NIM cải thiện đáng kể
BID	15%	8%	KQ		NIM hồi phục trong quý 2 nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi
CTG	37%	17%	MUA		Quý 2 bút phá nhờ NIM cải thiện mạnh, vượt kỳ vọng của chúng tôi
HDB	33%	17%	KQ		Tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhờ đóng góp của các công ty con; chất lượng tài sản là điểm cần theo dõi
LPB	-3%	-4%	KKQ		KQKD kém hơn kỳ vọng do chi phí hoạt động và chi phí tín dụng tăng mạnh tiếp tục gây áp lực lớn lên đà tăng trưởng lợi nhuận trong quý 2
MBB	26%	20%	MUA		Mức tăng trưởng tín dụng mạnh và sự phục hồi của NIM hỗ trợ lợi nhuận tăng cao hơn kỳ vọng
STB	-50%	11%	PHTT		KQKD thấp hơn kỳ vọng do chất lượng tài sản suy giảm mạnh
TCB	15%	15%	MUA		KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực.
TPB	5%	5%	MUA		Tăng trưởng tín dụng mạnh và đóng góp cao từ thu nhập ngoài lãi giúp hỗ trợ lợi nhuận; KQKD nhìn chung phù hợp với dự báo
VCB	37%	19%	MUA		Lợi nhuận cao hơn đáng kể so với kỳ vọng nhờ NIM cải thiện và thu nhập ngoài lãi tăng mạnh
VIB	7%	16%	KQ	KQ	NIM tiếp tục giảm; thu nhập ngoài lãi thúc đẩy lợi nhuận
VPB	66%	29%	MUA		KQKD tích cực được dẫn dắt bởi cả ngân hàng mẹ và mảng kinh doanh chứng khoán; bảng cân đối kế toán mở rộng mạnh mẽ
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	15%	68%	MUA		EPS tăng 15% YoY nhờ tăng trưởng phí bảo hiểm
BVH	36%	33%	MUA		Đà tăng trưởng mạnh của phí bảo hiểm phi nhân thọ và môi trường lãi suất thuận lợi giúp thúc đẩy lợi nhuận vượt kỳ vọng
SSI	28%	-7%	MUA		KQKD 6T 2026 ghi nhận đà tăng trưởng mạnh bất chấp thị trường biến động
F88	109%	62%	MUA		ROE đạt mức cao mới trong 6T 2026; kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ vọng
Tiêu dùng					
CTR	21%	17%	KQ		KQKD quý 2 tiếp tục khả quan nhờ tăng trưởng từ mảng xây dựng và giải pháp điện năng lượng mặt trời
DGW	130%	17%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 167% YoY nhờ doanh thu khả quan của mảng máy tính xách tay và thiết bị văn phòng, biên lợi nhuận gộp cải thiện
FPT	15%	14%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng 14% YoY, nhìn chung phù hợp với dự báo; doanh thu kỳ mới mảng CNTT nước ngoài phục hồi từ mức nền thấp
FRT	119%	74%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 tăng mạnh 188% YoY, nhờ lợi nhuận của Long Châu tăng trưởng tích cực
MSN (2)	188%	42%	MUA		Mức lợi nhuận cao kỷ lục đưa ROE nửa đầu năm 2026 lên mức 19%, trong khi tỷ lệ nợ thuần/EBITDA giảm xuống mức 2,4 lần

MCH	12%	14%	PHTT		Doanh thu và lợi nhuận Q2 2026 phục hồi YoY từ nền thấp nhưng thấp hơn kỳ vọng
MWG	88%	18%	MUA		Doanh thu tăng 30% YoY trong Q2 2026, doanh thu/cửa hàng BHX cải thiện; LNST 6T gần gấp đôi YoY
DMX	98%	61%		MUA	Năm trụ cột dự nên giai đoạn tăng trưởng tiếp theo
PNJ	11%	-61%	PHTT	KQ	Ghi nhận lỗ ròng 283 tỷ đồng trong quý 2/2026, chủ yếu do trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động mua lại
QNS	2%	33%	KQ		LNTT Q2 2026 tăng 7% YoY, sửa thực vật tăng trưởng mạnh; giá đường thấp hạn chế lợi nhuận
SAB	18%	1%	MUA		Biên lợi nhuận gộp vẫn vững vàng nhưng chi phí A&P gây áp lực lên lợi nhuận quý 2
TLG	4%	20%	MUA		Tăng trưởng xuất khẩu tích cực hỗ trợ doanh thu 6 tháng đầu năm, KQKD nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
VEA	17%	-7%	PHTT		Lợi nhuận quý 2 tăng 5% YoY trong bối cảnh lợi nhuận từ các công ty liên kết đi ngang
VHC	9%	7%	MUA	KQ	Lợi nhuận quý 2 chịu áp lực do thu nhập tài chính ròng giảm và hoàn nhập dự phòng thu hẹp
VNM	38%	6%	MUA		LNST sơ bộ Q2 2026 tăng 28% YoY nhân kỷ niệm 50 năm
GTVT & Logistics					
ACV	11%	-3%	PHTT	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 29% YoY nhờ lãi tỷ giá và thu nhập từ công ty liên kết dù doanh thu hàng không hạ nhiệt; nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
AST	52%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 52% YoY nhờ hoạt động kinh doanh cốt lõi tích cực và đóng góp từ công ty liên kết; vượt mức kỳ vọng
GMD (2)	22%	31%	MUA	MUA	KQKD tốt hơn của cụm cảng phía Nam so với phía Bắc dự kiến sẽ thúc đẩy lợi nhuận cốt lõi năm 2026
HVN	-43%	19%	PHTT		Quý 2 ghi nhận lỗ do cú sốc chi phí nhiên liệu dù doanh thu tăng trưởng mạnh; rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo
SCS	1%	0%	PHTT	PHTT	Việc dự án Long Thành giả định đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2027 sẽ gây áp lực lên lợi nhuận, được bù đắp một phần nhờ mức lợi suất cổ tức cao
VJC	4%	N.A	KQ		Gián đoạn tại Trung Đông và chi phí nhiên liệu ở mức cao ảnh hưởng đến lợi nhuận cốt lõi quý 2; giao dịch SALB & ROFR hỗ trợ doanh thu bảo cáo
VTP	-40%	-16%	PHTT		Lợi nhuận tiếp tục suy yếu do mức giảm của biên lợi nhuận mảng dịch vụ và sự gia tăng của chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp
Bất động sản					
DXG	-30%	-5%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 30% YoY do biên lợi nhuận thu hẹp
DXS	-40%	-32%	KQ	PHTT	Hoạt động môi giới chậm lại và các khoản trích lập dự phòng khiến KQKD quý 2 thấp hơn kỳ vọng
HDC	41%	-51%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2/2026 được hỗ trợ bởi khoản thu nhập khác; đã nhận đủ số tiền từ việc chuyển nhượng dự án Đại Dương
NVL	N.M.	-23%	MUA		Lợi nhuận nửa đầu năm vượt dự báo cả năm 2026 nhờ khoản lãi thoái vốn trong quý 2
KDH	218%	45%	MUA	MUA	Dự án Gladia và Bình Trưng Đông thúc đẩy triển vọng doanh số bán BĐS giai đoạn 2026-27
NLG	-53%	-20%	MUA	MUA	Hoạt động mở bán và bàn giao dự kiến sẽ tăng tốc, qua đó hỗ trợ cho đà tăng trưởng của lợi nhuận
VHM	372%	43%	PHTT	PHTT	Đẩy mạnh hoạt động bán lẻ lớn tại các đại dự án; tiềm năng từ các dự án hạ tầng chưa được đưa vào dự báo

VIC	182%	125%	BÁN	BÁN	Lợi nhuận mảng BĐS tích cực, doanh số xe điện tăng trưởng ổn định, nhu cầu huy động vốn gia tăng
VRE	33%	-13%	PHTT	MUA	Hoạt động cho thuê duy trì ổn định trong nửa cuối năm 2026; mảng bán BĐS mới đóng góp từ năm 2027
Khu công nghiệp					
GVR	73%	15%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 73% YoY chủ yếu nhờ thu nhập thuần khác, vượt kỳ vọng của chúng tôi
IDC	37%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 37% YoY nhờ lượng bàn giao đất KCN cao hơn; doanh số cho thuê đất KCN phục hồi đúng kỳ vọng
KBC	-80%	-5%	MUA	MUA	Lợi nhuận 6T 2026 giảm mạnh 80% YoY chủ yếu do lượng đất KCN bàn giao thấp và chi phí tài chính ở mức cao
PHR	245%	118%	MUA		Thu nhập từ bồi thường đất thúc đẩy lợi nhuận 6T 2026 tăng mạnh 245% YoY, phù hợp với kỳ vọng
SIP	18%	6%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 18% YoY, nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
SZC	-84%	-59%	KQ		Lợi nhuận nửa đầu năm 2026 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ do thay đổi phương pháp ghi nhận doanh thu, trong khi doanh số cho thuê đất KCN phục hồi mạnh
Vật liệu & Công nghiệp					
ACG (2)	27%	19%	MUA		Doanh thu tiếp tục vượt kỳ vọng nhờ doanh số trong nước tích cực trong quý 2, lợi nhuận cốt lõi nhìn chung phù hợp với dự báo
BMP	9%	5%	MUA		Lợi nhuận thiết lập kỷ lục mới nhờ biên lợi nhuận ròng đạt mức cao nhất trong một thập kỷ, bù đắp cho mức sụt giảm mạnh về sản lượng; phù hợp với kỳ vọng
DGC	-52%	-33%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 giảm 52% YoY do sản lượng giảm YoY và áp lực chi phí; kế hoạch ĐHCĐ năm 2026 cho thấy rủi ro giảm dự báo
DHC	99%	3%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng hơn 2 lần YoY nhờ giá giấy tích cực và biên lợi nhuận mở rộng; KQKD 6 tháng đầu năm vượt đáng kể so với kỳ vọng
HPG (2)	49%	37%	MUA	MUA	Triển vọng lợi nhuận tích cực được duy trì cùng với mức định giá hấp dẫn
HSG (1)	5%	-5%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi quý 3 tăng mạnh nhờ biên lợi nhuận cải thiện đáng kể; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo ngắn hạn nhưng triển vọng dài hạn không thay đổi
NKG	102%	480%	PHTT		Lợi nhuận quý 2/2026 tăng mạnh nhờ sản lượng phục hồi và biên lợi nhuận cải thiện; tuy nhiên, lợi nhuận 6T vẫn thấp hơn so với dự báo
PTB	17%	-19%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS nửa đầu năm tăng 17% YoY; tiềm năng điều chỉnh tăng đối với dự báo
STK	N.M.	231%	KQ		Sự phục hồi của sản lượng vẫn chưa đủ bù đắp gánh nặng khấu hao và chi phí lãi vay từ Unitex
Điện & Nước					
BWE (2)	8%	-12%	MUA	KQ	Lợi nhuận mảng nước tích cực trong nửa đầu năm bù đắp cho mức lợi nhuận giảm từ các mảng khác
GEX	-19%	1%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 giảm so với cùng kỳ do chi phí lãi vay cao dù lợi nhuận của GEE/VGC tăng mạnh; không có thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
HDG	-27%	22%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo giảm YoY do các chi phí bất thường; dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm nhẹ
NT2	60%	-6%	MUA	MUA	Sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh 57% YoY thúc đẩy tăng trưởng LNST; tiềm năng điều chỉnh tăng

PC1	72%	-34%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T giảm nhẹ YoY; tuy nhiên sẽ không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS năm 2026
POW	350%	101%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng gấp đôi YoY, hoàn thành 115% dự báo năm 2026 của chúng tôi; triển vọng 6T cuối năm tích cực, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PPC	184%	99%	KQ		LNST báo cáo 6T 2026 tăng 2,8 lần YoY nhờ thu nhập cố tức; lợi nhuận mảng phát điện vẫn thấp hơn kỳ vọng
QTP	44%	-35%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng 44% YoY nhờ chênh lệch giá mở rộng; vượt kỳ vọng
REE	9%	17%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 tăng 9% YoY bất chấp El Nino
TDM (2)	-47%	18%	KQ	PHTT	LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 64% dự báo cả năm, phù hợp kỳ vọng.
TV2	370%	46%	KQ		LNST 6T 2026 tăng gấp 3 lần YoY, khoản trả trước lớn từ khách hàng hỗ trợ doanh thu EPC, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
DPG	12%	-4%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 hoàn thành 49% dự báo cả năm, nhìn chung phù hợp kỳ vọng
VGC	3%	12%	MUA		LNST quý 2 tăng trưởng nhờ diện tích bán giao KCN tăng gấp đôi so với cùng kỳ và đa phục hồi đúng tiến độ của mảng VLXD, phù hợp với kỳ vọng
Dầu khí					
BSR	1194%	289%	PHTT	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 13 lần YoY nhờ biên lợi nhuận vượt trội; cao hơn kỳ vọng
DCM (2)	55%	61%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS quý 2 +36% YoY, +36% QoQ nhưng có rủi ro điều chỉnh giảm dự báo LNST 2026
DPM	117%	82%	PHTT		LNST quý 2 tăng 2,3 lần YoY; tuy nhiên, dự báo LNST năm 2026 đối mặt với rủi ro giảm
GAS	17%	10%	MUA		LNST cốt lõi quý 2 tăng 59% YoY, tiềm năng điều chỉnh tăng nhẹ với dự báo cốt lõi
OIL (2)	95%	39%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS báo cáo 6T 2026 tăng 84% YoY dù ghi nhận lỗ trong quý 2, kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLX (2)	39%	19%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T tăng 36% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng và sản lượng bán tăng; kết quả nhìn chung cao hơn nhẹ so với kỳ vọng
PLC	186%	834%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS 6T 2026 tăng gần gấp 3 lần YoY nhờ biên lợi nhuận mở rộng; tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo
PVD (2)	70%	30%	MUA	KQ	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng 66% YoY, trong khi quý 2 giảm 11% YoY; thấp hơn dự báo
PVS (2)	-32%	6%	MUA	MUA	LNST 6T 2026 tăng 37% YoY; LNST cốt lõi nhìn chung phù hợp với kỳ vọng
PVT (2)	65%	58%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS cốt lõi 6T 2026 tăng 64% YoY nhờ giá cước tàu chở dầu tăng và đội tàu mở rộng; cao hơn nhẹ so với kỳ vọng

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của EPS quý 2 + quý 3 năm tài chính 2026. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Δ
VNIndex	1.780,68	-4,43
VN 30	1.922,42	-16,08
VN Mid	1.853,00	-19,35
VNSmall	1.232,73	-7,48

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)		
	Điểm	Δ
HNXINDEX	271,31	-0,90
HNX30	439,94	-1,47
VNX Allshare	2.824,31	-21,09

Sàn Upcom (UPCOM)		
	Điểm	Δ
UpCom	124,96	-0,25

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.651,1	17,5%
Khối ngoại mua	1.365,8	9,0%
Khối ngoại bán	1.658,5	11,0%
Tổng giao dịch	15.125,0	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	37,3	4,6%
Khối ngoại mua	70,0	8,6%
Khối ngoại bán	11,9	1,5%
Tổng giao dịch	817,2	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	5,4	1,3%
Khối ngoại mua	27,5	6,9%
Khối ngoại bán	13,5	3,4%
Tổng giao dịch	399,4	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
BVH	4.800	7,0%
BSR	2.000	6,6%
PET	3.000	6,3%
GAS	3.000	3,7%
HTN	260	3,7%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PVS	1.800	5,7%
PVC	600	5,1%
PVI	2.200	3,5%
NVB	200	1,5%
KSV	1.300	1,2%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VGR	11.935	8,6%
PCB	525	6,2%
F88	3.103	5,9%
VNB	749	4,2%
PHP	1.382	3,2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
PNJ	-2.300	-7,0%
HII	-730	-6,9%
KOS	-1.450	-6,9%
NVL	-800	-6,8%
HDC	-550	-4,9%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
VGS	-800	-5,2%
SHS	-500	-3,7%
BVS	-1.000	-3,6%
MBS	-500	-3,1%
VFS	-300	-3,0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DTR	-638	-5,7%
MSR	-1.855	-3,4%
MML	-897	-3,3%
VGI	-2.625	-3,2%
VIW	-658	-2,9%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1,5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
TCB	764,1
HPG	694,4
VHM	690,4
SSI	632,7
VPB	567,7

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
SHS	182,2
PVS	147,1
CEO	100,4
MBS	76,6
IDC	60,6

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	140,5
VGI	35,4
OIL	29,7
VGR	23,1
QNS	18,5

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
SJS	5.336.204	155.606
HAR	1.614.402	54.398
GEG	8.198.440	910.137
TAL	977.968	129.750
SCR	4.884.128	834.587
BVH	3.935.210	687.705
D2D	373.362	81.407
HAG	8.726.699	2.026.820
NTL	2.261.727	543.844
NAB	8.749.478	2.138.730

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
LAS	729.862	214.263
VGS	241.783	95.208
CEO	9.248.698	5.051.965
SHS	13.716.282	7.584.046
NDN	183.710	106.688
MBS	4.829.300	2.893.228
APS	693.523	427.513
DXP	223.200	156.532
IDC	1.840.803	1.303.924
PVS	4.518.128	3.592.966

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
QTP	414.652	75.682
CVN	539.242	223.474
F88	326.183	148.448
PHP	339.867	183.374
VGI	440.836	249.758
VEA	393.391	281.464
QNS	367.916	265.601
KVC	186.220	136.823
MML	127.392	93.827
C4G	182.576	137.063

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.358		13,7	1,9	14,1%
TCX	3.736	91,4%	15,7	2,1	13,7%
VCK	2.662	96,4%	14,8	2,2	17,2%
SSI	2.328	70,0%	11,5	1,5	13,4%
VPX	1.801	96,0%	8,7	1,3	16,2%
HCM	1.262	14,2%	18,0	2,2	9,8%

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	640		11,6	1,5	13,0%
BVH	2.103	21,7%	16,5	2,1	13,3%
PVI	651	43,1%	12,8	1,9	15,2%
BIC	170	7,5%	10,3	1,3	13,1%
VNR	146	22,8%	8,2	0,9	11,3%
MIG	132	82,7%	10,2	1,2	12,4%

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.619		14,0	3,4	25,6%
ACV	5.386	47,3%	12,6	1,9	15,7%
MVN	2.736	0,0%	25,3	4,6	19,4%
VEA	1.890	-1,4%	6,4	2,1	28,1%
GEE	1.795	48,9%	13,1	5,8	45,7%
GMD	1.288	10,1%	12,8	2,4	19,3%

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.727		17,7	4,2	24,6%
MCH	6.946	84,0%	25,4	9,7	40,1%
VNM	4.852	50,2%	11,5	4,0	33,9%
MSN	3.879	75,8%	14,9	2,5	19,4%
SAB	2.141	41,2%	11,6	2,8	22,3%
SBT	819	76,8%	24,9	1,8	7,3%

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.001		14,0	1,5	13,8%
BSR	6.246	47,4%	8,2	2,2	30,5%
PLX	1.773	5,8%	14,1	1,8	12,5%
PVS	789	33,4%	9,7	1,3	14,0%
PVD	666	42,0%	15,6	1,0	6,5%
OIL	532	6,4%	22,6	1,3	5,7%

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	2.424		10,8	2,0	19,5%
GAS	7.757	46,9%	15,9	2,9	18,9%
POW	1.494	46,2%	6,2	0,9	16,2%
REE	1.094	0,0%	10,8	1,3	12,6%
PGV	1.042	50,0%	5,5	1,5	28,3%
DNH	732	0,0%	15,9	3,4	21,8%

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	19.580		82,7	5,3	28,4%
VIC	69.302	44,9%	84,3	10,5	13,9%
VHM	21.981	43,5%	7,1	2,2	32,6%
KSF	2.667	50,0%	4,5	3,2	77,2%
VRE	2.135	38,0%	7,7	1,1	15,0%
THD	1.817	48,9%	310,0	9,3	3,3%

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.237		8,4	1,4	18,3%
VCB	18.755	10,0%	11,7	2,0	17,9%
BID	10.706	12,5%	8,4	1,4	18,2%
TCB	8.962	1,7%	8,6	1,3	15,7%
CTG	8.926	5,4%	5,8	1,2	21,9%
VPB	8.836	7,4%	7,7	1,3	17,7%

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.953		26,7	4,5	20,7%
VPL	5.523	42,5%	47,5	3,2	7,8%
MWG	4.091	0,0%	10,8	3,0	29,2%
VJC	3.935	23,9%	47,0	3,9	8,6%
DMX	3.758	40,1%	15,0	5,5	0,0%
HVN	2.456	21,6%	13,2	6,7	58,1%

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.142		13,1	2,8	27,0%
HPG	6.566	27,3%	7,4	1,2	17,4%
GVR	4.959	-0,6%	18,4	2,1	12,0%
MSR	2.227	99,0%	23,7	4,0	19,0%
KSV	1.242	0,0%	9,2	4,9	62,9%
DCM	717	43,4%	7,1	1,6	23,6%

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	236		34,1	2,8	15,8%
DHG	453	46,0%	12,2	3,4	24,1%
IMP	218	5,4%	15,7	2,4	15,6%
DHT	188	9,3%	121,8	4,4	3,7%
DBD	168	83,3%	15,0	2,5	16,6%
DVN	154	-0,0%	5,8	1,1	18,9%

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.006		15,2	1,8	13,7%
FPT	4.625	20,6%	12,0	3,0	26,5%
CMG	197	13,7%	13,0	1,5	12,3%
SAM	95	48,5%	21,8	0,6	2,8%
ELC	60	45,6%	11,7	1,2	10,5%
VEC	52	-0,0%	17,7	2,7	16,3%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

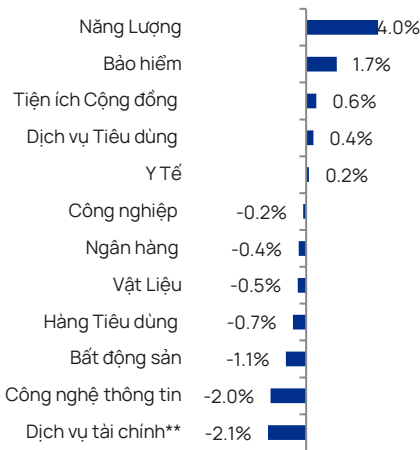
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

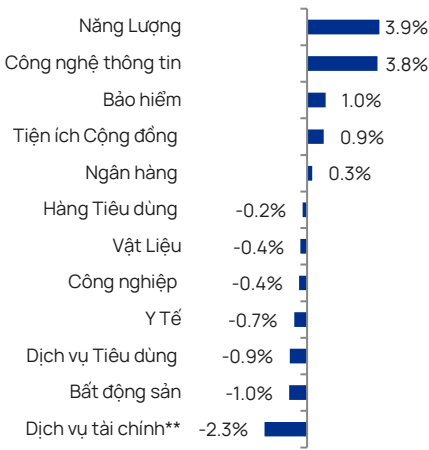
Diễn biến hằng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

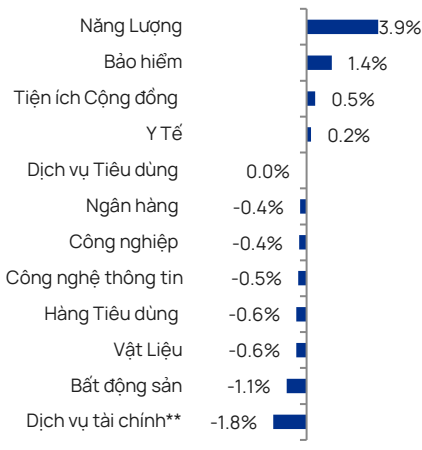


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

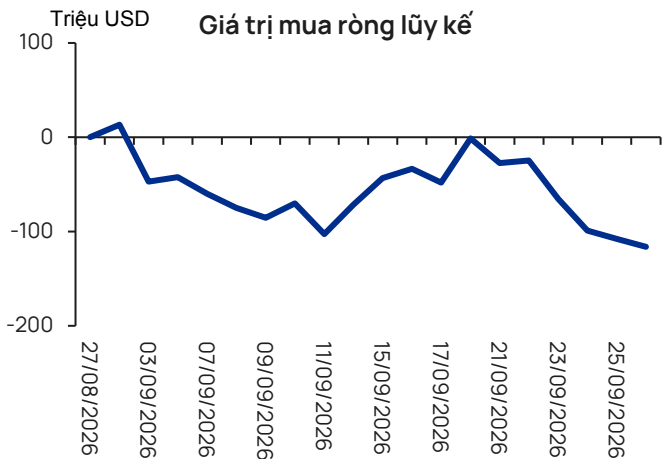


Sàn giao dịch chứng khoán

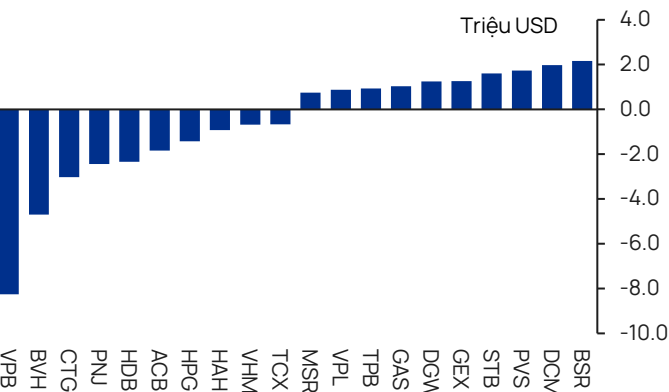
Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày
(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất
(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày

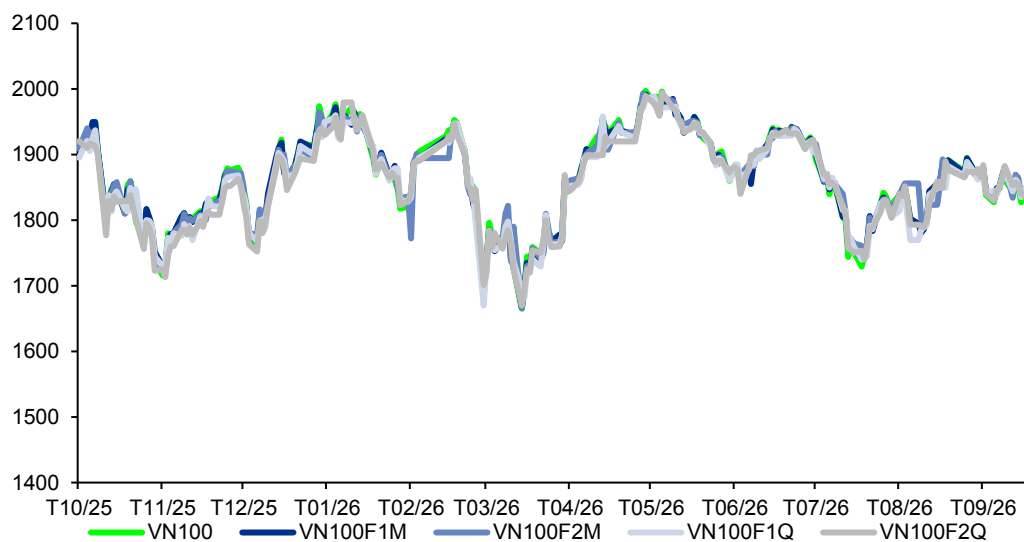
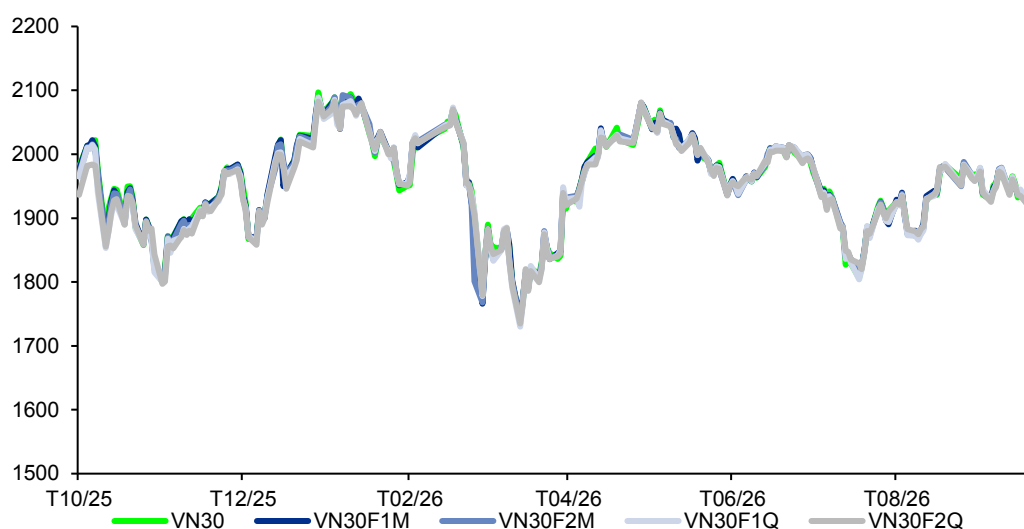


Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro
** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.923,5	-18,5	-1,0%	1,1
VN30F2M	1.919,0	-20,0	-1,0%	-3,4
VN30F1Q	1.919,5	-25,2	-1,3%	-2,9
VN30F2Q	1.919,5	-15,4	-0,8%	-2,9
VN100F1M	1.822,1	-18,4	-1,0%	0,3
VN100F2M	1.824,0	-23,9	-1,3%	2,2
VN100F1Q	1.824,1	-23,3	-1,3%	2,3
VN100F2Q	1.824,8	-13,2	-0,7%	3,0

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	36.827	16,0%	187,48	-14,2%
VN30F2M	634	28,6%	0,34	135,7%
VN30F1Q	731	2,1%	0,06	-23,6%
VN30F2Q	312	1,6%	0,04	48,1%
VN100F1M	132	3,9%	0,14	66,7%
VN100F2M	4	0,0%	0,09	-62,7%
VN100F1Q	30	3,4%	0,21	31,0%
VN100F2Q	21	-4,5%	0,00	-82,6%

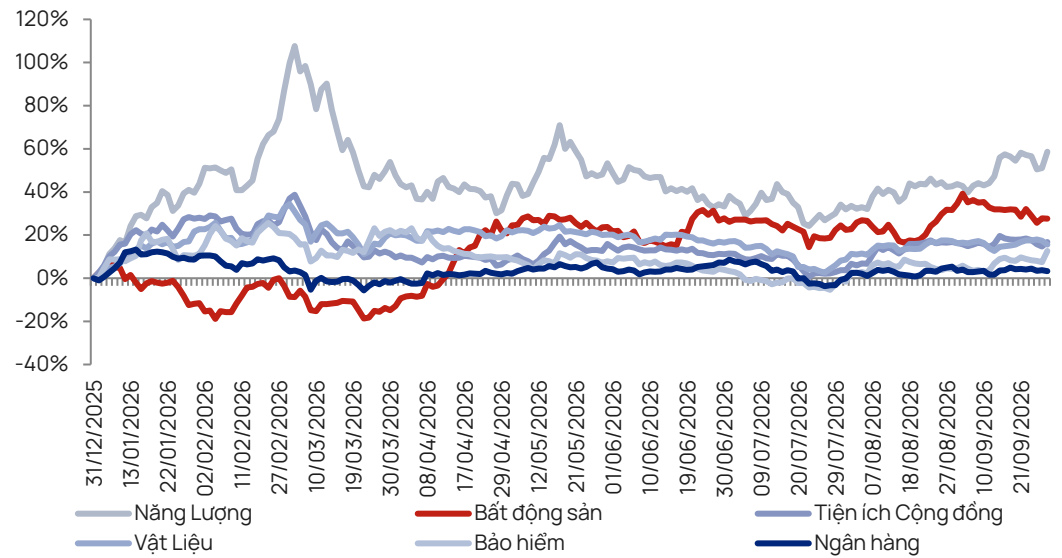


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

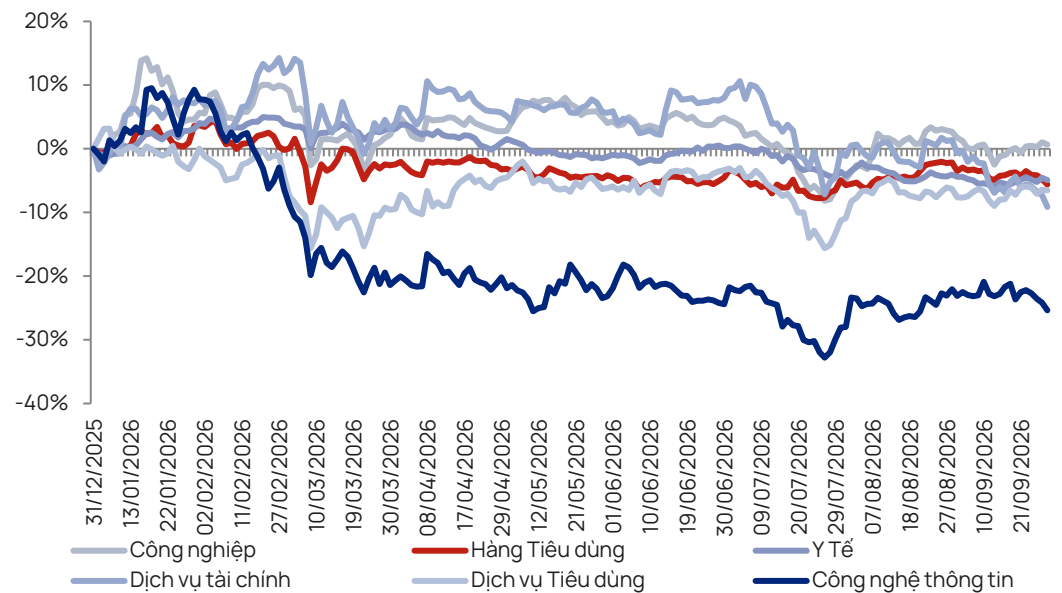
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



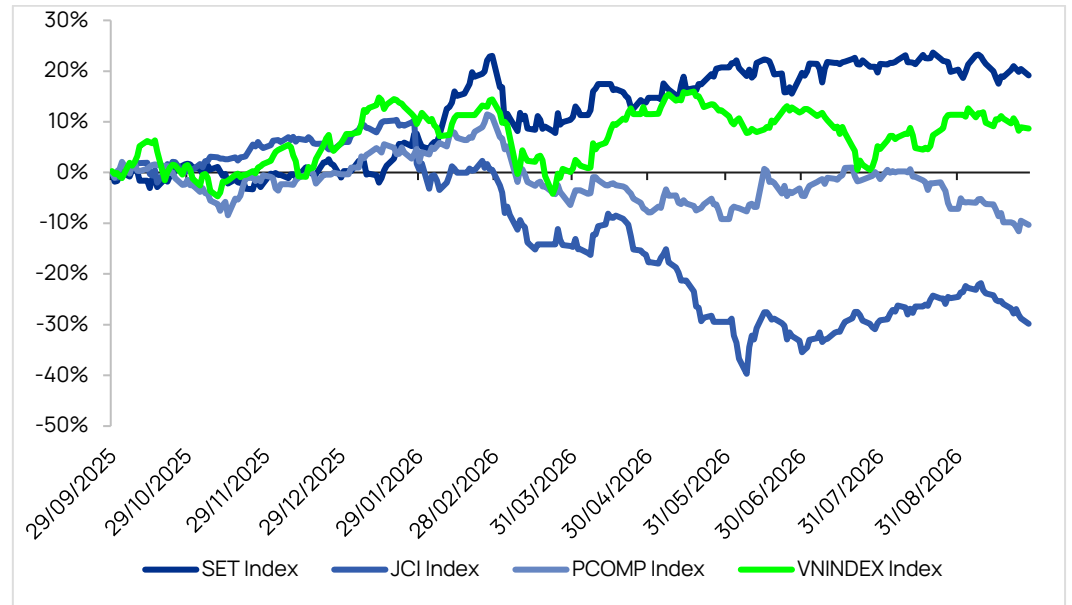
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



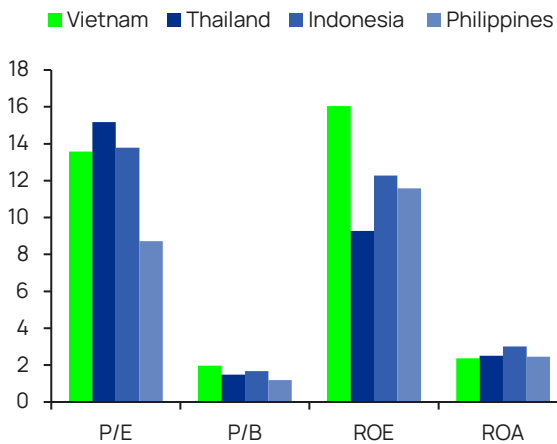
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	15,2	13,8	8,7	13,6
P/B	1,5	1,7	1,2	2,0
ROE (%)	9,3	12,3	11,6	16,0
ROA (%)	2,5	3,0	2,5	2,4
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	602,2	604,2	127,4	328,5
GTGD trung bình, tr USD	1.741,4	1.118,6	80,9	799,4
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	1.479,1	-4.469,5	-505,0	-3.572,6
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	(246,6)	(147,5)	2,2	(86,7)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,78%	7,05%	7,27%	4,29%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Nghân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

- Đinh Kiến Vương, Chuyên viên, ext 468

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Bùi Nguyên Cẩm Giang

Trưởng phòng cao cấp, ext 125

- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên cao cấp, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

- Nguyễn Thị Thùy Dương, Chuyên viên, ext 132

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.